

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 3 – 2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Bà Lữ Phúc Lệ

Bà Bùi Thị Thu Thảo

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công Khi vụ án thụ lý số: 555/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018. Về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim Kh, sinh năm 1993(Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp An Phú, xã Bình Ninh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Trần Hoàng V, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Khánh Tư, xã Đông Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Về hôn nhân: Chị Kh và anh V chung sống với nhau năm 2009 không đăng ký kết hôn, đến ngày 12/3/2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng vợ chồng không thể chung sống hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa, chị Kh giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh V.

- *Về con chung*: Chị Kh và anh V có 01 người con chung tên Trần Hoàng Chương, sinh ngày 17/6/2010, hiện nay con đang sống chung với chị Kh. Sau khi ly hôn chị Kh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị Kim Kh xác định trong thời gian chung sống chị và anh V không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Trần Thị Kim Kh xác định trong thời gian chung sống chị và anh Kh không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Kh và anh V là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh V có địa chỉ tại ấp Khánh Tư, xã Đông Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Kh và anh V chung sống với nhau năm 2009 không đăng ký kết hôn, đến ngày 12/3/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, hôn nhân của chị Kh và anh V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị Kh và anh V thực sự có xảy ra trong thời gian dài không thể hàn gắn được và anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2017. Tại phiên tòa, chị Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh V. Anh V không tham gia phiên tòa, không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị Kh.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị Kh có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Kh đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã triệu tập anh V hợp lệ đến lần thứ hai, với nội dung triệu tập anh V đến Tòa án nhân dân huyện C để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh V. Anh V không đến Tòa án để hòa giải và tham dự phiên tòa, cho thấy anh V không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Kh đối với anh V là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị Kh và anh V có 01 người con chung tên Trần Hoàng Chương, sinh ngày 17/6/2010. Xét thấy, chị Kh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng anh V không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Kh, chứng tỏ anh V đồng ý với yêu cầu của chị Kh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Kh, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Chương được thể hiện tại biên bản lấy lời Khi ngày 22/01/2019. Do đó, tiếp tục giao cháu Chương cho chị Kh tiếp tục nuôi, anh V không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 13/3/2019 cho đến khi con thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Kh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, chị Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Kh xác định trong thời gian chị và anh V chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Kh vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Kim Kh được ly hôn với anh Trần Hoàng V.

Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Chương, sinh ngày 17/6/2010 cho chị Trần Thị Kim Kh tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Hoàng V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 13/3/2019 cho đến khi cháu Chương thành niên.

Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chậm cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị Kim Kh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Kh có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004964 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, sau khi đối trừ chị Kh nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công Khi chị Kh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công Khi.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- CC THA huyện Cái Nước;
- Các Đường sự;
- UBND xã Đông Thới;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính

